

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2024/HS-PT

Ngày: 29-7-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lương

Ông Tôn Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thư Linh – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông **Phan Minh T** – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 48/2024/TLPT-HS ngày 17 tháng 06 năm 2024 đối với bị cáo **Lê Hoàng G** do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 26/2024/HS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

- Bị cáo có kháng cáo: **Lê Hoàng G**, sinh ngày 25/7/1990 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: **Số A, ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre**; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: không biết chữ; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Đạo phật; con ông **Lê Văn Đ**, sinh năm 1949 và bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1951; bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình có 06 anh em; bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

+ Tại Bản án số 27/2018/HSST ngày 28/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xử phạt **Lê Hoàng G** 04 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*", bồi thường cho bị hại 4.000.000 đồng, được miễn án phí, **Lê Hoàng G** chấp hành xong án phạt tù ngày 23/11/2018, về dân sự bị hại không yêu cầu bồi thường, được xóa án tích.

+ Tại Quyết định số 279/QĐ-XPHC ngày 06/10/2017 của Công an huyện M, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính đối với Lê Hoàng G bằng hình thức phạt tiền với số tiền 1.500.000đồng về hành vi "Trộm cắp tài sản", đã nộp phạt xong.

Bị cáo tại ngoại, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Hồ Thị Ngọc T1 – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 28/02/2023, tại khu vực sân bê tông Chợ C thuộc ấp Q, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre có tổ chức hội chợ. Võ Văn T2 đi cùng với Phan Văn S và Nguyễn Hữu T3 đến chơi tại hội chợ, khi ra về trước khu vực sân bê tông thì gặp Lê Hoàng G. Tại đây T2 hỏi G vì sao nói xấu T2 và mở cho G nghe đoạn ghi âm trong điện thoại có giọng nói của G, G giải thích với T2 là nói người khác chứ không có nói T2, sau đó hai bên xảy ra cự cãi, T2 cầm nón bảo hiểm đi đến vị trí của G đứng thì G đi thụt lùi ra Quốc lộ E còn T2 tiến tới, G lấy con dao có đặc điểm dài 17,5cm, cán màu vàng dài 10cm, có hình dạng giống con cá, lưỡi dao bằng kim loại dài 7,5cm, rộng 1,5cm, mũi nhọn, loại dao xếp trong túi áo khoát cầm trên tay trái giơ về phía T2 khoảng 2 đến 3 phút mục đích cho T2 sợ nhưng T2 vẫn đi tới và dùng nón bảo hiểm đánh về phía G nhưng không trúng, G liền dùng dao đâm vào tay trái của T2 gây thương tích, T2 được mọi người đưa đến Bệnh viện N cấp cứu và chuyển điều trị tại Bệnh viện Đ1, tỉnh Bến Tre từ ngày 01/3/2023 đến ngày 04/3/2023. Đến ngày 07/3/2023 T2 đến Công an xã L tố giác hành vi của G.

Tại Giấy chứng nhận thương tích số 000349/2023/CN ngày 22/3/2023 của Bệnh viện N chứng nhận tình trạng thương tích lúc vào viện của Võ Văn T2:

01 vết thương mặt sau 1/3 giữa cẳng tay (T) # 1 x 5 cm, bờ gọn, không rõ độ sâu, mạch quay rõ.

Xquang ngực + cẳng tay (T): Không gãy xương.

Tại Giấy chứng nhận thương tích số 216/CN-BVMĐ ngày 29/3/2023 của Bệnh viện Đ1 chứng nhận tình trạng thương tích lúc vào viện của Võ Văn T2:

Bệnh tình, sinh hiệu ổn.

+ Vết thương 1/3 trên mặt sau cẳng tay trái 06cm x 03cm, đứt toàn bộ cơ duỗi, thần kinh quay.

Chuẩn đoán: Vết thương cẳng tay trái đứt toàn bộ cơ duỗi, thần kinh quay/Khai bị đâm.

Điều trị:

- + Phẫu thuật nối thần kinh quay + nối các cơ duỗi cẳng tay.
- + Nẹp bột cẳng bàn tay trái (bột thủy tinh).
- + Kháng sinh
- + Giảm đau

Cận lâm sàng:

Chụp Xquang xương cẳng tay trái: Không thấy hình ảnh gãy xương vùng cẳng tay trái. Sưng và mất liên tục mô mềm vùng mặt sau ngoài 1/3 giữa cẳng tay trái.

Chụp X ngực thẳng: Xquang ngực thẳng trong giới hạn bình thường.

Tại bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 154/23/KLTTCT-TTPYBT ngày 01/6/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh B kết luận đối với Võ Văn T2:

1. Các kết quả chính:

- Sẹo 1/3 giữa mặt sau ngoài cẳng tay trái hình chữ Z kích thước trung bình.
- Tổn thương nhánh thần kinh quay trái.

2. Kết luận:

- Căn cứ Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y và giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Võ Văn T2 tại thời điểm giám định là 13% (Mười ba phần trăm), theo phương pháp cộng tại thông tư.

- Con dao gửi giám định có thể tạo ra vết thương 1/3 trên mặt sau cẳng tay trái, đứt toàn bộ cơ duỗi, thần kinh quay cho Võ Văn T2.

Tại Kết luận giám định lại lần thứ I tổn thương cơ thể trên người sống số 4604/KLTTCT-C09B ngày 26/7/2023 của Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

1. Các kết quả chính:

- Sẹo 1/3 giữa mặt sau ngoài cẳng tay trái, kích thước trung bình, bờ mép gọn.
- Tổn thương nhánh thần kinh quay bên trái.

2. Kết luận:

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28.8.2019 của Bộ trưởng Bộ Y, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương có thể từng thương tích như sau:

- Sẹo 1/3 giữa mặt sau ngoài cẳng tay trái, kích thước trung bình: 02% (C, Mục I.2).

- Tổn thương nhánh thần kinh quay bên trái: 11% (Chương 1, mục VII.3.14).

Áp dụng phương pháp cộng tại thông tư xác định tổng tỉ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của **Võ Văn T2** tại thời điểm giám định là: 13% (Mười ba phần trăm).

3. Kết luận khác:

- Thương tích vùng cẳng tay trái của **Võ Văn T2** có đặc điểm phù hợp do vật sắc nhọn tác động gây ra.

- Con dao gửi giám định gây ra được thương tích trên.

- Thương tích vùng cẳng tay trái của **Võ Văn T2** đã trải qua quá trình phẫu thuật và điều trị, không đủ cơ sở khoa học để xác định chiều hướng gây thương tích.

Tại Kết luận giám định số 6315/KL-KTHS ngày 01/11/2023 của Phân viện KHHS tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

1. Con dao gửi giám định có thể tạo ra hai dấu vết rách thủng vải trên áo khoác gửi giám định và dấu vết rách thủng thứ nhất trên áo sơ mi gửi giám định.

2. Không đủ cơ sở xác định dấu vết rách thứ hai trên áo sơ mi gửi giám định do vật gì tạo ra.

Tại Biên bản giám định y khoa số 09/GĐYK-KNLĐ ngày 17/01/2024 của Hội đồng giám định y khoa thuộc **Sở y tế tỉnh B** kết luận:

Căn cứ Thông tư số 56/2017/TT-BYT ngày 29 tháng 12 năm 2017, Thông tư số 18/2022/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Thông tư liên tịch số 28/2013/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 27 tháng 9 năm 2013 của **Bộ Y**, **Bộ L**, Hội đồng giám định y khoa tỉnh Bến Tre kết luận:

Ông: **Võ Văn T2**

Được xác định: Suy giảm khả năng lao động.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể (suy giảm khả năng lao động) là: 15% (Một năm phần trăm).

- Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật, xử lý vật chứng:

+ 01 (một) con dao xếp dài 17,5cm cán màu vàng dài 10cm, có hình dạng giống hình con cá, lưỡi dao bằng kim loại dài 7,5cm, rộng 1,5cm, mũi nhọn, loại dao xếp, bên trong khe xếp của cán dao có một thanh kim loại màu trắng dùng để khui bìa, chuyển theo vụ án.

+ 01 áo khoác màu đen, loại vải thun; trên áo có chữ LOUIS VUITTON PARIS; chiều dài áo 70cm, chiều dài lai áo 88cm, chiều dài cổ áo 42cm. Trên áo có hai vết rách: Vết thứ nhất trên tay áo bên trái, nằm ngang, chiều dài 7,5cm, cách đầu tay áo 12cm, có dính nhiều vết màu nâu nghi máu; vết rách thứ hai phía trước ngực

bên trái, nằm xuôi, cách cổ áo 20cm, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả lại cho Võ Văn T2.

+ 01 áo sơ mi dài tay, sọc ngang, màu xám – xanh; trên áo có chữ A; chiều dài áo 70cm; chiều dài lai áo 105cm; chiều dài cổ áo 39cm. Trên tay áo bên trái có hai vết rách: Vết thứ nhất nằm ngang, dài 3,5cm, cách đầu tay áo 07cm; vết thứ hai nằm xuôi, vết rách từ đầu tay áo lên trên, dài 32cm; trên tay áo có nhiều vết màu nâu nghi máu, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả lại cho Võ Văn T2.

- Phân trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 33.656.683 đồng gồm chi phí điều trị, tiền xe chuyển viện và tiền công nuôi bệnh 04 ngày là 15.056.683 đồng, tiền tổn thất tinh thần 02 tháng lương sơ sở là 3.600.000 đồng và 02 tháng tiền công lao động bị mất 15.000.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu bị hại, hiện đã bồi thường cho bị hại số tiền 4.000.000 đồng.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2024/HS-ST ngày 14/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Lê Hoàng G phạm “Tội cố ý gây thương tích”. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Hoàng G 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/5/2024 bị cáo Lê Hoàng G kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt tù và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo không thay đổi yêu cầu kháng cáo, bị cáo thừa nhận thương tích của bị hại là do bị cáo dùng dao quơ gây ra; bị cáo cho rằng tội “Cố ý gây thương tích” là đúng.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Lê Hoàng G phạm “Tội cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng tội. Xét kháng cáo của bị cáo, xét hình phạt 02 năm tù là mức thấp nhất của khung hình phạt; xét yêu cầu hưởng án treo do bị cáo phạm vào tình tiết định khung có tình chất còn đồ nên không đủ điều kiện được hưởng án treo, nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134;

điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Lê Hoàng G** 02 năm tù về “Tội cố ý gây thương tích”. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo tranh luận: Yêu cầu xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Người bào chữa cho bị cáo tranh luận, cho rằng thống nhất với Bản án sơ thẩm và quan điểm của Kiểm sát viên, bị cáo phạm vào điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên áp dụng tình tiết có tính chất côn đồ không phù hợp đối với bị cáo. Do bị hại **T2** cứ tiến tới **G** và dùng nón bảo hiểm đánh **G** nên **G** chống trả, lỗi chính là do bị hại dẫn đến vụ án. Tính đến nay bị cáo không có tiền án tiền sự. Đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo, xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù và cho bị cáo hưởng án treo.

Lời nói sau cùng: Bị cáo yêu cầu cho bị cáo hưởng án treo để lo cho cha mẹ bị bệnh, do bị cáo là lao động chính trong gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: Vào khoảng 23 giờ ngày 28/02/2023, tại **ấp Q, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre**, **Lê Hoàng G** đã dùng một con dao xếp dài 17,5cm, cán màu vàng dài 10cm, có hình dạng giống hình con cá, lưỡi dao bằng kim loại dài 7,5cm, rộng 1,5cm, mũi nhọn đâm 01 cái vào cánh tay trái của **Võ Văn T2** gây thương tích. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của **Võ Văn T2** được giám định là 13% (Mười ba phần trăm), bị hại **Võ Văn T2** có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với **Lê Hoàng G**.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cho rằng không côn đồ, tuy nhiên bị cáo cho rằng trong quá trình điều tra không bị ép cung, nhục hình; do bị cáo tự khai, nên lời khai của bị cáo có căn cứ khách quan làm cơ sở chứng minh cho hành vi và ý thức của bị cáo:

Theo lời khai của bị cáo tại Biên bản ghi lời khai ngày 24/11/2023 (BL 405-411), thể hiện nội dung: “Thắng không đánh được tôi vì bị tôi đâm trước; ... T2 không ép tôi vô đường cùng, T2 cứ hỏi tôi “Tại sao nói xấu”, tôi giải thích hoài mà không được tôi cũng có rượu rồi nên bực tức rút dao ra, rồi đâm T2 luôn, trong trường hợp này tôi có thể bỏ đi chỗ khác thì không xảy ra việc đâm T2”; “Khi đâm thì tôi đứng đối diện cách T2 khoảng 01 mét, tay trái tôi cầm dao trong lòng bàn tay mũi dao theo hướng từ ngón cái đến ngón út, tôi đâm hướng từ trên xuống tay T2”;

Theo lời khai của nhân chứng N H T: “Tôi thấy G và T2 đang đứng cãi nhau, hai người đứng đối diện nhau”; “Tôi không thấy T2 có cầm vật gì trên tay”; “Tôi chỉ thấy T2 bị 01 vết thương trên cẳng tay trái” (BL 425, 426);

Theo lời khai của nhân chứng P V S: “Tôi thấy G và T2 đứng đối diện nhau, G cầm dao đâm về hướng của T2 từ trên xuống, T2 dùng tay trái đỡ nên bị thương phần cẳng tay, khoảng cách giữa hai người gần nhau, chưa đến 01 mét, tôi thấy G cầm dao đâm về hướng T2 nhiều lần nhưng không nhớ chính xác bao nhiêu lần, nhưng trúng vào tay T2 gây nên 01 vết thương”; Tôi không thấy T2 đánh gây thương tích gì cho G” (BL 429).

Theo lời của bị hại T2 vào ngày 30/8/2023 (BL 373) có nội dung: “Tôi khẳng định lúc G dùng dao gây thương tích cho tôi, tôi và G đang đứng đối diện với nhau, khoảng cách gần nhau chưa đến 01 mét, G cầm ngược con dao trên tay phải, lưỡi dao quay vào trong đâm từ trên xuống, tôi dùng tay trái đưa lên đỡ lại làm tôi bị thương ở cẳng tay, khi bị đâm tôi có mặc áo sơ mi dài tay và áo khoác dài tay nên trên áo sơ mi và áo khoác có vết rách do dao của G đâm để lại”; “Tôi khẳng định giữa tôi và G chỉ cãi nhau bằng lời nói, tôi không có tác động gì lên cơ thể của G”. Và lời khai ngày 14/11/2023 (BL 376) thể hiện: “Tôi chỉ cãi nhau với G về đoạn ghi âm G nói xấu tôi, tôi không có đánh G”.

Các lời khai nêu trên phù hợp nhau về hành vi tấn công, nguyên nhân bị cáo tấn công bị hại là do bực tức về việc cự cãi. Do vậy, có cơ sở chứng minh bị cáo là người tấn công bị hại trước, do nguyên do nhỏ nhặt nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định hành vi của bị cáo “Có tính chất côn đồ” là có căn cứ.

Với ý thức, hành vi và hậu quả đã xảy ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Lê Hoàng G phạm “Tội cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a “Dùng hung khí nguy hiểm” và điểm i “Có tính chất côn đồ” của khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng quy định

pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt tù đã xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; về tình tiết giảm nhẹ: là người phạm tội tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại, người phạm tội thành khẩn khai báo (theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự); bị cáo là lao động chính trong gia đình nuôi cha mẹ là người cao tuổi, bị cáo có ông ngoại **Lê Văn Đ** là liệt sĩ được Chủ tịch nước tặng bằng Tổ quốc ghi công (theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự). Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cho rằng cha bị cáo bị tai biến nhưng không có giấy tờ chứng minh, bị cáo cung cấp Giấy xác nhận khuyết tật của cha bị cáo với mức độ khuyết tật “Mức độ rất nặng”. Xét yêu cầu hưởng án treo, do bị cáo có bị kết án lần này phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng nên không đủ điều kiện hưởng án treo. Xét yêu cầu giảm hình phạt tù, bị cáo cung cấp xác nhận cha bị khuyết tật rất nặng, xét nguyên nhân phạm tội là do từ việc cự cãi nhau giữa bị cáo và bị hại (theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự) và bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cần giảm một phần hình phạt cho bị cáo theo khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự cũng đủ cải tạo giáo dục bị cáo. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, sửa quyết định của Bản án sơ thẩm.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên; quan điểm của người bào chữa cho bị cáo có phần không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận một phần và hoàn cảnh gia đình của bị cáo thuộc diện cận nghèo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, sửa quyết định của Bản án sơ thẩm.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo **Lê Hoàng G** phạm “Tội cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Hoàng G** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính

từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 12; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo **Lê Hoàng G** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách (3b);
- VKSND huyện Chợ Lách (1b);
- Công an huyện Chợ Lách (1b);
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách (1b);
- UBND xã Long Thới, h. Chợ Lách (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tỉnh